KINH TẾ ĐÔNG BẮC Á: ĐẶC ĐIỂM VÀ XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI

MAI VĂN BẢO*

Có thể thấy rằng trong những năm gần đây, Đông Á đã giành được sự chú ý của thế giới bởi sự phát triển kinh tế và những chuyển biến mạnh mẽ về mặt chính trị. Hội nhập kinh tế khu vực đã và đang là một trong những chủ đề được bàn cãi sôi động nhất. Trong đó, các nước Đông Nam Á trong khối ASEAN và 3 quốc gia chủ chốt ở Đông Bắc Á là Nhật Bản, Hàn Quốc, và Trung Quốc đóng vai trò hết sức quan trọng. Với mục đích cung cấp cho bạn đọc một số thông tin về tình hình kinh tế và tiến triển của quá trình hội nhập kinh tế khu vực, bài viết này sẽ tập trung phân tích và đánh giá những đặc điểm và xu hướng biến đổi chủ yếu của kinh tế ở Đông Bắc Á.

1. Đặc điểm

Đông Bắc Á được coi là một trong những khu vực kinh tế quan trọng của thế giới. Đặc biệt là 3 nền kinh tế chủ yếu của khu vực này (Trung Quốc, Nhật Bản, và Hàn Quốc) đã chiếm tới 1/5 GDP, hơn 15% tổng giá trị mậu dịch, và 1/4 dân số thế giới. Dưới tác động của quá trình toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ, kinh tế Đông Bắc Á đã có những thay đổi rất đáng kể. Đặc trưng kinh tế nổi bật của khu vực này trong những năm gần đây được thể hiện rất rõ trên các khía cạnh sau đây:

Thứ nhất, đây là khu vực năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân cao so với các khu vực khác trên thế giới.

Theo các số liệu thống kê, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của các nước Đông Bắc Á chủ yếu như Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc trong những năm gần đây đã có những cải thiện rất đáng kể. Đặc biệt là năm 2004, các nước trong khu vực đã đạt mức tăng trưởng kỷ lục kể từ thời điểm 1997, bất chấp những tác động của sự tăng giá nhiên liệu. Sự gia tăng mạnh của sức tiêu thụ nội địa cũng như xuất khẩu là hai động lực chính tạo nên mức tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của các nước trong khu vực này.

Quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định nhất ở Đông Bắc Á là Trung Quốc. Với mức tăng trưởng GDP trung bình 9%/năm trong hơn 20 năm qua, thu nhập quốc dân bình quân đầu người tăng nhanh, việc làm ở thành thị và nông thôn ổn định, ngoại thương phát triển khá cân bằng, và dự trữ ngoại tệ ngày càng tăng. Nền kinh tế Trung Quốc đã thực sự trở thành một "sự thần kỳ" mới ở Đông Á.

Tuy nhiên, sự phát triển quá nóng của nền kinh tế Trung Quốc nếu không được điều chỉnh và kiểm soát kịp thời có thể sẽ dẫn đến những hậu quả khó lường. Trong nhiều lĩnh vực, các dấu hiệu đầu tư sản xuất dư thừa đã xuất hiện, các biên độ an toàn đang bị đe doạ nghiêm trọng. Do xuất phát từ những tính toán chính trị và kinh tế cục bộ, địa phương nào cũng muốn có nhà máy sản xuất ô-tô hoặc nhà máy sản xuất thép của riêng mình, nên vẫn tìm đủ mọi cách và bằng mọi giá cạnh tranh thu hút đầu tư,

* Tiến sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

không cần biết những dự án đó có mang lại hiệu quả thiết thực hay không. Bên cạnh đó là sự yếu kém của hệ thống ngân hàng Trung Quốc hoàn toàn không có khả năng đánh giá một cách đúng đắn những rủi ro trong việc cho vay tín dụng. Vì vậy, trong hai năm gần đây, Trung Quốc đã thực hiện chủ trương hạ nhiệt nền kinh tế. Các tỉnh thành, địa phương được yêu cầu phải ngưng việc cấp phép đầu tư mới, các ngân hàng phải hạn chế việc cho vay. Mặc dù chính sách này có thể giúp ngăn ngừa được khủng hoảng phát triển nóng, song sẽ có những tác động tiêu cực nhất định lên hoạt động kinh tế chung của Trung Quốc.

Đối với Nhật Bản, có thể nói rằng sau những năm tháng trì trệ kể từ sau cuộc đại khủng hoảng tài chính và bất động sản, hiện nay kinh tế Nhật Bản đã bắt đầu bước vào giai đoạn hồi phục. Sự tăng trưởng không còn phải nhờ vào tài trợ của Nhà nước như trong những năm trước đó nữa, mà trước hết xuất phát từ sự năng động mới giành lại được của khu vực kinh tế tư nhân - nền kinh tế trong thời gian qua đã rũ bỏ được những gánh nặng do cuộc đại khủng hoảng gây ra. Những thành tựu này có được là do quá trình cải tổ kiên trì cơ cấu công nghiệp và thể chế của Nhật Bản đã bắt đầu mở ra những triển vọng đáng lạc quan.

Như chúng ta đã biết, kể từ khi nền kinh tế "bong bóng" bị sụp đổ, Chính phủ Nhật Bản đã ban hành khá nhiều giải pháp kích thích tăng trưởng kinh tế với quy mô lớn cùng với các luật cải cách tài chính và tỉ lệ lãi suất thấp nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Những giải pháp này đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Các nhà lãnh đạo kinh doanh của khu vực tư nhân đã phần nào lấy lại được lòng tin trong việc đưa khu vực tư nhân thành khu vực đi đầu trong việc đem lại sự phục hồi kinh tế cho nước Nhật. Dưới tác động của các chính sách cải cách, các tập đoàn công ty của Nhật Bản đã và đang tiến hành việc cơ cấu lại theo hướng phù hợp với xu thế hội nhập khu vực và toàn cầu hoá kinh tế.

Trong nhiều năm qua, Nhật Bản đã tiến hành cải tổ kiên trì trong các lĩnh vực quản lý công ty, cơ cấu nợ xấu của các ngân hàng, cơ cấu công nghiệp và giải quyết có hiệu quả tình trạng giảm phát (giá hàng hóa và dịch vụ giảm). Để tránh các vụ tai tiếng của các công ty, Nhật Bản đã thực hiện một loạt các thay đổi nhỏ về quản lý công ty và những thay đổi nhỏ này đã có tác động lớn đến cơ cấu quản lý của các công ty Nhật Bản, tạo ra một môi trường pháp lý đối với hoạt động của các công ty hoàn toàn khác với môi trường những năm 1980. Các công ty buộc phải công khai nhiều thông tin hơn về hoạt động kinh doanh, các cổ đông có tiếng nói mạnh hơn trong việc quản lý công ty và ảnh hưởng của các tổ chức mafia Nhật Bản đối với các hội nghị của các công ty đã giảm mạnh.

Mặc dù công cuộc cải tổ cơ cấu kinh tế của Nhật Bản diễn ra chậm chạp trong nhiều lĩnh vực quan trọng song có kết quả. Một bộ phận đáng kể trong các khoản nợ xấu của các ngân hàng Nhật Bản đã được thanh toán. Nếu quá trình này vẫn tiếp tục được đẩy mạnh, hệ thống tài chính Nhật Bản sẽ được cải thiện mạnh mẽ đủ sức thúc đẩy tăng trưởng cao của nền kinh tế nước này trong tương lai. Các cải tổ quan trọng trong cơ cấu công ty của Nhật Bản trong các ngành công nghiệp then chốt đã trở thành nhân tố chủ yếu thúc đẩy sự phục hồi mới đây và mở ra các triển vọng tăng trưởng tương lai của nền kinh tế nước này.

Đối với Hàn quốc, sau hơn bốn mươi năm xây dựng và phát triển kinh tế, Hàn quốc đã đạt được điều mà mọi người cho là "sự thần kỳ kinh tế trên sông Hàn". Từ chỗ là một trong những nước nông nghiệp xếp

vào hàng nghèo nhất thế giới, hiện nay Hàn Quốc đã trở thành một nước công nghiệp phát triển, có mức thu nhập bình quân đầu người đạt con số xấp xỉ 10.000 USD. Đặc biệt năm 1996 trước khi xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính-tiền tệ châu Á, Hàn Quốc đã đạt mức GDP kỷ lục là 520 tỷ USD và thu nhập quốc dân bình quân đầu người đạt 11.385 USD[1].

Cải cách kinh tế và tài chính ở Hàn Quốc được thực hiện từ tháng 12-1997, dưới sự hỗ trợ của IMF nhằm khắc phục hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính 1997-1998, có thể được xem như một thay đổi cách mạng trong hệ thống kinh tế của nước này về cả chiều sâu lẫn chiều rộng. Chỉ sau hơn một năm, nền kinh tế Hàn Quốc đã nhanh chóng thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng này và tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.

Như vậy, có thể nói rằng 3 nền kinh tế chủ chốt của khu vực Đông Bắc Á là Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc đều đã đạt được những thành tựu rất đáng khích lệ trong những năm gần đây đưa Đông Bắc Á trở thành một khu vực đầy năng động và dẫn đầu thế giới về tốc độ tăng trưởng kinh tế. Ngoài ra cũng cần phải kể đến những cải thiện đáng kể trong các nền kinh tế Mông Cổ và CHDCND Triều Tiên. Mặc dù mức độ thực hiện hết sức chậm chạp và dè dặt, song việc cải tổ nền kinh tế theo hướng thị trường ở CHDCND Triều Tiên cũng đã cho thấy một số tín hiệu khả quan. Nếu vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên được giải quyết theo chiều hướng tích cực, chắc chắn là các hoạt động kinh tế trên bán đảo này sẽ sôi động hơn rất nhiều trong những năm sắp tới.

Thứ hai, đàm phán và ký kết các hiệp định thương mại song phương (FTA) đã trở thành một trong những hoạt động kinh tế đối ngoại nổi bật của các nước Đông Bắc Á trong những năm gần đây.

Châu Á nói chung và Đông Bắc Á nói riêng được coi là khu vực "chậm chân" nhất trong làn sóng FTA. Trong khi các FTA nở rộ khắp châu Âu, Bắc Mỹ và Nam Mỹ, thì mãi đến những năm gần đây, FTA mới được các nước ĐBÁ quan tâm và hướng tới.

Có thể nói rằng việc chạy đua để ký các hiệp định buôn bán tự do (FTA) là một hoạt động kinh tế đối ngoại rất sôi động của các nước Đông Bắc Á (trừ 2 ngoại lệ là Bắc Triều Tiên và Mông Cổ) hiện nay. Đó là việc ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương không chỉ trong khu vực mà cả với các nước ngoài khu vực, như với Mỹ chẳng hạn. Không chỉ giữa các quốc gia với nhau, mà cả giữa một khối với từng nước riêng lẻ như trong trường hợp FTA giữa ASEAN với Trung Quốc hay với Ấn Độ hoặc Nhật Bản. Các hiệp định như vậy đã nhanh chóng trở thành phổ biến và cho đến nay, không ai có thể phủ nhận tầm quan trọng của các hiệp định buôn bán tự do này đối với các nước Đông Bắc Á. Nó đã khởi động một thời kỳ năng động hơn trong chính sách buôn bán của các nước này. Những FTA tiêu biểu của các nước trong khu vực này cần phải được kể đến là FTA giữa Trung Quốc và ASEAN, giữa Nhật Bản và một số nước ASEAN, giữa Hàn Quốc và Chi Lê, Hàn Quốc và Nhật Bản...

Mặc dù phải đối phó với những vấn đề gay gắt trong nước liên quan đến FTA, song cả Nhật Bản và Hàn Quốc đều đang nỗ lực tìm kiếm thêm các thỏa thuận FTA với nhiều nước khác. Hiện tại, các nước Đông Nam Á, với thuế quan cao, được coi là những đối tượng quan trọng nhất trong chiến lược FTA của cả Nhật Bản lẫn Hàn Quốc. Đến thời điểm này, Thái Lan và Philippines đã có thỏa thuận sơ bộ với Nhật

[1] *Korea Statistical yearboook*, 2002, tr. 545

Bản về FTA. Tuy nhiên, để tăng cường thâm nhập vào các thị trường các nước, thì điều không tránh khỏi là Nhật Bản và Hàn Quốc cũng phải tự do hóa các thị trường của chính mình.

Sau các cuộc biểu tình trên đường phố Xơun cản trở việc phê chuẩn hiệp định buôn bán tự do với Chilê suốt 1 năm, Hàn Quốc hy vọng hiệp định này sẽ mở đường cho các hiệp định buôn bán mới giá trị hơn với 2 nước láng giềng là Trung Quốc và Nhật Bản. Và đồng thời ASEAN hiện nay, sau một thời kỳ đình đốn về vấn đề đầu tư, vấn đề xuất nhập khẩu, Hàn Quốc bắt đầu chú ý trở lại khối ASEAN. Năm 1997, kim ngạch xuất khẩu của Hàn Quốc sang các nước ASEAN khoảng 20,4 tỷ USD. Năm 1998, khi khủng hoảng tài chính trong khu vực, kim ngạch xuất khẩu xuống thấp chỉ còn 15,3 tỷ USD. Nhưng đặc biệt trong 2 năm tiếp theo, kim ngạch xuất khẩu của Hàn Quốc đã bắt đầu tăng lên. Vào cuối năm 2002 đã tăng lên 18,4 tỷ USD. Đầu tư của Hàn Quốc vào các nước ASEAN cũng sẽ tăng theo như vậy. Chính quyền Xơun hiện đang xúc tiến việc giải lại bài toán làm thế nào để có mặt tại các nước ASEAN.

Nhật Bản cũng đang tích cực đẩy nhanh các cuộc đàm phán các hiệp định buôn bán tự do với các nước Châu Á với nội dung thực chất hơn là đơn thuần xóa bỏ thuế quan. Thủ tướng Nhật Bản J. Koizumi đã yêu cầu Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản tăng gấp đôi số nhóm đàm phán để thúc đẩy các cuộc thương lượng với Hàn Quốc, Mêhicô và các nước ASEAN. Thủ tướng Koizumi coi việc ký kết FTA với các nước Đông Bắc Á và các nước ASEAN là một chiến lược thật sự. Đối với Hàn Quốc cũng vậy, thị trường Trung Quốc hiện nay là nơi Hàn Quốc xuất khẩu nhiều nhất, chứ không phải là Mỹ hay Nhật Bản. Vì vậy, có thể nói rằng hiện nay cả Nhật Bản và Hàn Quốc đều hướng vào thị trường Trung Quốc. Theo ông Iamazaki, nhà kinh tế cấp cao của Ngân hàng đầu tư tại Tokyo, hiện nay việc hồi phục kinh tế Nhật Bản không phải phụ thuộc vào Mỹ mà chủ yếu là từ kinh tế Trung Quốc. Do đó, Nhật Bản sẽ đẩy mạnh hợp tác với Trung Quốc và đồng thời đẩy mạnh hợp tác với Hàn Quốc, đồng thời mở rộng thêm việc hợp tác song phương, đa phương giữa Nhật Bản với các nước ASEAN.

Một số nhà bình luận kinh tế của mạng Economist.com cho rằng Nhật Bản, Hàn Quốc và nhiều nước Châu Á khác sốt sắng chạy đua thương lượng các hiệp định buôn bán tự do với nhau là do sức mạnh của nền kinh tế Trung Quốc đang tăng lên và Trung Quốc sẵn sàng lao vào cạnh tranh kinh tế thế giới. Nền kinh tế Trung Quốc hiện đang có tác động lớn đối với những nỗ lực mậu dịch tự do của Nhật Bản và Hàn Quốc. Nhiều chính khách Nhật Bản và Hàn Quốc cho rằng, nếu hai nước này không tăng cường được khả năng cạnh tranh của mình thông qua các FTA, thì họ có thể dễ dàng bị Trung Quốc lấn át.

Đề nghị của Trung Quốc về việc thành lập Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc vào năm 2010 là lời cảnh báo đối với Nhật Bản và Hàn Quốc. Sau động thái này, Nhật Bản đã đưa ra đề nghị về Khu vực Mậu dịch tự do Nhật Bản – ASEAN. Trong cuộc chạy đua này, xem ra Trung Quốc luôn đi tiên phong và đã rất khéo léo giải quyết vấn đề nông nghiệp (vấn đề được coi là gay gắt nhất phải vượt qua để đi đến thỏa thuận FTA ở châu Á) với các nước ASEAN khi đưa ra Chương trình thu hoạch sớm đối với rau quả. Với đề nghị này, Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc xem ra hấp dẫn hơn nhiều so với đề nghị của Nhật Bản về một FTA với ASEAN.

Riêng đối với Trung Quốc, việc ký kết những hiệp định thương mại song phương,

đa phương trong khu vực ngoài mục đích về vấn đề kinh tế-thương mại, còn là vấn đề chính trị, địa-chính trị toàn cầu trong khu vực và Trung Quốc muốn khẳng định vị trí của mình. Trung Quốc đã ký những FTA với các nước ASEAN và đồng thời sẽ mở rộng các FTA với Nhật Bản, và Hàn Quốc. Ngoài ra, Trung Quốc cũng sẽ xúc tiến việc ký FTA với Ôxtrâylia, bởi vì Trung Quốc hiện nay đang rất cần các nguyên liệu từ dầu khí, sắt thép, nhôm của Ôxtrâylia.

Tuy xuất phát từ những động cơ khác nhau nhưng mọi hiệp định thương mại tự do song phương đều đáp ứng một nhu cầu chung giữa hai nước thành viên, đó là làm thế nào để phục vụ tốt nhất cho lợi ích mỗi bên.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra đối với các hiệp định song phương như nhiều nhà phân tích từng nêu bật là tính chất bất bình đẳng. Thành viên hùng mạnh hơn về mặt kinh tế luôn là phe nắm lợi thế. Mặt khác, liên kết chặt chẽ về thương mại tất yếu dẫn đến những ràng buộc về mặt chính trị, ngoại giao. Đó là chưa kể đến việc những hiệp định song phương đe dọa hệ thống thương mại đa phương, cụ thể là WTO: "Các chuyên gia về kinh tế quốc tế, như ông Cohen, Giám đốc cơ quan chuyên nghiên cứu và thúc đẩy thương mại tự do của Mỹ nói: "Hiệp định thương mại song phương là con dao 2 lưỡi. Một mặt thúc đẩy thực sự giao lưu về thương mại, đầu tư giữa nhóm nước nằm trong khung FTA đó. Nhưng một một FTA đặt ra trên một khung cảnh ràng buộc về vấn đề hợp tác nhiều hơn về mặt ngoại giao, quân sự. Cho nên cuối cùng, mặt hại làm biến dạng hành lang thông thoáng của thương mại toàn cầu". Người đau đớn, cảm nhận nhiều nhất tác hại của FTA là ông Tổng giám đốc WTO. Ông cảnh báo các thành viên của WTO rằng việc ký kết FTA tuy có lợi thực sự cho các nước ký kết đó, nhưng sẽ tạo nên trong một thời gian dài có tính cách hệ thống sự phá hoại toàn bộ về giao thương toàn cầu mà WTO và các nước, các định chế quốc tế đã kỳ công xây dựng sau Thế chiến thứ 2 đến nay.

Theo đa số các nhà phân tích, hiện tượng này sẽ còn cơ hội phát triển trong bối cảnh hệ thống thương mại đa phương quốc tế hiện đang gặp phải những khó khăn mà dấu hiệu cụ thể rõ nhất là thất bại liên tiếp của các vòng đàm phán trong khuôn khổ tổ chức WTO. Không tìm thấy cứu cánh trong hệ thống đa phương, các quốc gia có tiềm năng xuất khẩu đã ưu tiên nhiều hơn cho cơ chế song phương để đẩy mạnh tăng trưởng.

Thứ ba, được thúc đẩy bởi sự phát triển mạnh của làn sóng khu vực hoá trên thế giới và sức ép về nhu cầu hợp tác kinh tế nội bộ, đặc biệt là kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á, quá trình hợp tác kinh tế giữa các nước trong khu vực Đông Bắc Á đã có những tiến triển mạnh trong những năm gần đây là một bước quan trọng tiến tới khả năng hội nhập kinh tế Đông Bắc Á trong tương lai.

Điểm nổi bật trong tiến trình hợp tác kinh tế giữa các nước Đông Bắc Á chủ yếu (Trung Quốc, Nhật Bản, và Hàn Quốc) là sự gia tăng mạnh của quan hệ thương mại và đầu tư. Trong đó, Trung Quốc đã trở thành thị trường đầy hấp dẫn đối với các nhà đầu tư Nhật Bản và Hàn Quốc. Ngoài các hiệp định về FTA với các nước ngoài khu vực, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc đã và đang xúc tiến việc ký FTA ba bên giữa ba nước này.

Tuy nhiên, cũng như ở các khu vực khác, hội nhập kinh tế ở Đông Bắc Á sẽ phụ thuộc rất lớn không chỉ vào việc tăng cường trao đổi mậu dịch nội vùng mà còn vào sự phát triển của đầu tư trực tiếp nội vùng. Trong những năm gần đây, các dòng FDI trong nội bộ khu vực đã tăng rất nhanh, thậm chí còn

nhanh hơn cả thương mại, và trở thành một trong những động lực cho sự tăng cường hội nhập kinh tế khu vực. Hơn nữa, quan hệ giữa đầu tư và thương mại cũng đang ngày càng trở nên gắn bó một cách khăng khít. Một ví dụ điển hình về vấn đề này là trao đổi trong nội bộ các công ty của các nước trong khu vực đã tăng rất mạnh trong những năm gần đây. Điều này chứng tỏ quá trình hội nhập kinh tế ở Đông Bắc Á đã có những tiến triển rất đáng khích lệ. Tuy nhiên, vẫn còn khá nhiều trở ngại trên con đường này, và điều quan trọng là các nước trong khu vực cần nhận thức được những trở ngại đó và có những chiến lược thích hợp nhằm khắc phục trở ngại và đẩy mạnh hơn nữa tiến trình hợp tác khu vực.

Bên cạnh các vấn đề thương mại và đầu tư, tiến trình hội nhập về tài chính ở Đông Bắc Á cũng đã cho thấy có những tín hiệu khả quan. Theo Sáng kiến Chiềng Mai (Chiang Mai Initiative), các nước Đông Nam Á cùng Nhật Bản và Hàn Quốc đã thống nhất các hiệp định song phương về cho vay nguồn dự trữ ngoại tệ của các nước, và thành lập hiệp định đa phương về vấn đề này. Ngoài ra, nhằm tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế, các Bộ trưởng Tài chính các nước trong khu vực đã và đang xem xét việc phát triển thị trường trái phiếu châu Á.

Sáng kiến thành lập thị trường trái phiếu châu Á sẽ giúp các nước trong khu vực sử dụng nguồn dự trữ ngoại tệ có hiệu quả hơn, có thể củng cố thị trường tài chính khu vực, làm đa dạng các nguồn tài chính và giảm phụ thuộc vào vay nợ nước ngoài bằng USD. Tuy nhiên, theo các nhà phân tích, tiến trình thành lập một liên minh tài chính của khu vực châu Á sẽ còn phải mất nhiều thời gian đàm phán nữa các nước tham gia mới có thể trở thành hiện thực.

2. Xu hướng biến đổi và tác động đến Việt Nam

Qua đánh giá thực trạng tình hình kinh tế Đông Bắc Á, có thể đưa ra một số dự báo về xu hướng biến đổi của kinh tế khu vực này trong những năm sắp tới như sau:

Thứ nhất, có thể nói rằng triển vọng tăng trưởng của Đông Bắc Á trong những năm sắp tới sẽ phụ thuộc chặt chẽ vào quá trình phục hồi kinh tế của Nhật Bản cũng như sự phát triển ổn định của kinh tế Trung Quốc như một cường quốc kinh tế trên thế giới. Kinh tế Nhật Bản hồi phục vững chắc chấm dứt hơn một thập kỷ trì trệ sẽ là yếu tố quan trọng cũng như ảnh hưởng sâu rộng của việc Trung Quốc nổi lên như một nền kinh tế lớn trên thế giới, sẽ quyết định triển vọng của khu vực này.

Thứ hai, trong những năm sắp tới, sự tiến triển của quá trình hội nhập kinh tế Đông Bắc Á sẽ tiếp tục được đẩy mạnh. Hội nhập khu vực hơn nữa sẽ là một trong những thách thức hàng đầu của các nền kinh tế trong khu vực. Hợp tác và cạnh tranh đã, đang và vẫn sẽ là hai mặt của một quá trình tiến tới hội nhập kinh tế khu vực. Trong đó, thương mại, đầu tư, và tài chính sẽ tiếp tục là những nội dung chủ yếu đặt ra trước các nước có liên quan.

Thứ ba, việc cải cách các nền kinh tế hiện đang thiếu minh bạch và khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 sẽ vẫn được tiếp tục đẩy mạnh. Mặc dù một số quốc gia, đặc biệt là Hàn Quốc và Nhật Bản, đã tiến hành hàng loạt các cải cách sau cuộc khủng hoảng này, công việc này vẫn chưa thực sự hoàn tất. Vấn đề quan trọng đối với các quốc gia này là phải xác lập được một hệ thống kinh tế thực sự minh bạch.

Sự tăng trưởng và phát triển ổn định của các nước Đông Bắc Á, đặc biệt là Trung Quốc chắc chắn sẽ có những tác động đáng kể đến nước ta. Nhất là nếu như quá trình liên kết kinh tế Đông Bắc Á trở thành hiện

thực thì các quan hệ kinh tế đối ngoại của Việt Nam với các nước trong khu vực này như Nhật Bản và Hàn Quốc sẽ phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng hơn, đặc biệt là về năng lực cạnh tranh.

Sự nổi lên của Trung Quốc như một cường quốc kinh tế đã trở thành một điểm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất trong khu vực, cạnh tranh trực tiếp với các nước ASEAN trong đó có Việt Nam. Hiện Trung Quốc chiếm 70% FDI vào khu vực Đông Á, và khả năng cạnh tranh về FDI của Trung Quốc càng gia tăng sau khi Trung Quốc gia nhập WTO.

Trước tình hình đó, nguy cơ tụt hậu của Việt Nam trên thế giới, trước hết trong khu vực là rất nghiêm trọng. Ngoài ra phải kể đến một số trở ngại, bất cập khác mà chúng ta chưa thể vượt qua được ngay trong thập niên này. Đó là sự tồn tại một hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật của nền sản xuất xã hội còn nhiều lạc hậu, bao gồm cả những vấn đề còn rất nan giải như hệ thống máy móc, thiết bị chủ yếu là ở các thế hệ cũ, thậm chí rất cũ, hệ thống giao thông - dịch vụ tài chính, ngân hàng... cùng với quá trình đô thị hoá tuy đã khá hơn nhiều so với trước song vẫn còn khấp khểnh chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển bền vững ở nước ta.

Liên quan đến vấn đề nguy cơ tụt hậu trên đây cũng cần phải kể đến một yếu kém của Việt Nam hiện nay, đó là năng lực cạnh tranh của chúng ta còn thấp, chậm được cải thiện. Theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) xét về các chỉ số cạnh tranh của nền kinh tế, Việt Nam xếp thứ 48/53 nước được xem xét năm 1999, 60/75 nước năm 2001 và 65/80 năm 2002. Cụ thể, có thể kể ra nhiều yếu kém như sức cạnh tranh về năng lực quản lý doanh nghiệp còn yếu. Nhiều doanh nghiệp nhà nước tồn tại được là nhờ có sự bảo hộ, trợ cấp của nhà nước. Tỷ lệ doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ còn lớn. Xét về tiêu chí cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá như giá cả, chất lượng, mạng lưới tổ chức tiêu thụ và uy tín doanh nghiệp thì sức cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam cũng còn thua kém hơn so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới.

Sự phát triển nhanh chóng của Trung Quốc đã tạo ra những ảnh hưởng lớn đối với nền kinh tế Đông Á trong đó có Việt Nam. Không những vậy, sức mạnh và ảnh hưởng lan rộng về kinh tế của Trung Quốc sẽ kéo theo mặt chính trị. Chuyên gia kinh tế, chính trị Đông Á Dwight Perkins của Đại học Harvard nhận định: "Nếu Trung Quốc tiếp tục phát triển dựa trên chiến lược thâm nhập hệ thống kinh tế quốc tế và mở cửa nhiều hơn cho hàng hoá nhập ngoại, chắc chắn tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc sẽ đem lại lợi ích cho các nước khác... Song, quan trọng hơn cả là: đi kèm với mục tiêu tăng trưởng kinh tế, sẽ là mục tiêu chính trị lâu dài của quốc gia này".

Cho đến nay, Trung Quốc luôn duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế đáng kinh ngạc: GDP trên 1.000 tỷ USD/năm và thương mại trên 650 tỷ USD/năm. Trung Quốc đã trở thành nền kinh tế lớn thứ 4 và thương mại thứ 5 trên thế giới. Sức mạnh kinh tế của Trung Quốc lan rộng. Trong khi đó, nền kinh tế ASEAN vừa thoát khỏi khủng hoảng và phục hồi nhanh, đã trở thành đích ngắm. Hiện Trung Quốc là đối tác quan trọng thứ 4, chiếm 11% thương mại hai chiều với ASEAN và triển vọng thương mại tiếp tục tăng lên. Theo dự báo, thương mại hai chiều Trung Quốc - ASEAN sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh và vượt ngưỡng 10 tỷ USD trong năm 2005.

Về phía Nhật Bản, trước áp lực cạnh tranh của Trung Quốc, Nhật Bản cũng đang gấp rút trong việc xích lại gần hơn với ASEAN sau một thập niên "bị mất" và cần một động lực mới để đẩy mạnh tăng trưởng, cải tổ cơ cấu kinh tế và tìm kiếm thị trường. Năm 1993, thương mại hai chiều Nhật Bản

- ASEAN là 80 tỷ USD, nay đã vượt 130 tỷ USD. Một thị trường năng động, tăng trưởng nhanh lại có vị trí địa lý thuận tiện cùng với mối quan hệ kinh tế gắn bó lâu dài sẽ luôn là ưu tiên quan trọng trong chiến lược hướng ra bên ngoài của Nhật Bản hiện nay.

Việc Trung Quốc rồi Nhật Bản nhanh chóng tìm cách lôi kéo các nước ASEAN đã dẫn đến tình trạng mối liên kết trong khối Đông Nam Á lỏng lẻo. Nguyên tắc chính của khối này là đồng thuận, nghĩa là khi ASEAN muốn đi đến một hiệp định thì phải chờ quốc gia chậm nhất và không mong muốn tham gia nhất chấp thuận. Mặt khác, do nguyên tắc đồng thuận cùng với yếu tố chủ nghĩa dân tộc đã thúc đẩy nhiều nước không thể chờ quyết định của khối và do đó đã đi đến các hiệp định song phương. Singapore đã mở đầu bằng hiệp định với Australia và Mỹ; Thái Lan đã ký với Trung Quốc hiệp định thương mại tự do. Và trong xu thế này Nhật Bản không muốn bị chậm chân và sẽ có những bước đi mạnh mẽ hơn để đạt được hiệp định tự do song phương với các nước ASEAN. Do đó, nếu chúng ta không chủ động, cứ trông chờ vào hành động chung của toàn khối thì sẽ rơi vào thế khó khăn, bị bỏ rơi ở phía sau.

Do chưa gia nhập WTO nên việc ký các hiệp định song phương của nước ta sẽ không dễ dàng. Dự kiến, Nhật Bản sẽ khởi động đàm phán Khu vực mậu dịch tự do với ASEAN nhưng chỉ cùng các nước: Thái Lan, Malaysia và Philipines sau khi đã đạt thoả thuận với Singapore. Tờ Japan Times đưa ra nhận định của một quan chức Nhật Bản khẳng định: hiện vẫn còn quá sớm để bàn về một FTA giữa Nhật Bản và Việt Nam, khi mà Việt Nam chưa là thành viên của WTO.

Trong hoàn cảnh đó, Việt Nam cần đẩy mạnh hoạt động theo các hướng như: thúc đẩy hội nhập WTO; tiếp tục đẩy mạnh cải cách trong nước để phát huy nội lực đủ mạnh trong giai đoạn sắp tới; đẩy mạnh các hoạt động thương mại ngoài khối qua ký kết các hiệp định thương mại song phương... Điều quan trọng là phải chuẩn bị tốt cho hội nhập, trong đó phải xác định được những lĩnh vực ưu tiên mà chúng ta có thể cạnh tranh. Từ cách thức ban hành luật lệ, cách thức quản trị quốc gia, quản trị doanh nghiệp đến việc giải quyết các tranh chấp... các chuẩn mực quốc tế sẽ phải được áp dụng. Quan trọng nhất sẽ là việc thiết lập pháp quyền, bảo đảm sự minh bạch và tính đoán trước được trong cách hành xử. Chúng ta đã thành công trong việc áp dụng nhiều loại tiêu chuẩn ISO vào sản xuất và kinh doanh. Vấn đề là các tiêu chuẩn ISO cho hoạt động của công quyền cũng sẽ phải nhanh chóng được áp dụng.

Sau AFTA sẽ là WTO, các nước mở của thị trường của họ cho chúng ta đến đâu thì chúng ta cũng buộc lòng phải mở của thị trường của mình cho họ đến đó. Rủi ro lớn nhất của hội nhập sẽ là tình trạng chúng ta chẳng bán được gì cho thiên hạ, đồng thời cũng chẳng bán được thứ gì cho chính chúng ta. Tất nhiên, để bán được hàng cho thiên hạ, ngoài chất lượng, giá cả, chúng ta còn cần phải đấu tranh để bảo đảm các điều kiện thương mại công bằng.

Qua bài viết này có thể thấy rằng nếu như những thách thức về hội nhập kinh tế khu vực đặt ra cho ASEAN là rất gay gắt thì đối với Việt Nam, sự gay gắt còn tăng gấp bội. Việt Nam là nước đi sau, nhất thiết phải đẩy nhanh quá trình chạy đua phát triển để thoát khỏi tình trạng tụt hậu đang có nguy cơ ngày càng xa hơn. Tốc độ hội nhập hiện là một trong những nội dung then chốt nhất của cuộc chạy đua. Vì vậy, Việt Nam cần đẩy mạnh hơn nữa quá trình cải cách thể chế nhằm mục tiêu hội nhập, đặc biệt là trong những năm sắp tới.